

Số: **711** /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày **03** tháng **4** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành điều chỉnh mức chi tạm thời áp dụng cho các lớp tập huấn thuộc
Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2207/QĐ-BNN-TC ngày 23/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành mức chi tạm thời áp dụng cho các lớp tập huấn thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Cục Kinh tế hợp tác và PTNT tại Tờ trình số 104/TTr-KTHT-KH ngày 21/03/2013 về việc xin phê duyệt điều chỉnh mức chi tạm thời áp dụng cho các lớp tập huấn thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành điều chỉnh mức chi tạm thời áp dụng cho các lớp tập huấn thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg, chi tiết nội dung và mức chi theo biểu đính kèm.

Điều 2. Căn cứ mức chi quy định tại Quyết định này, giao Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và PTNT duyệt dự toán chi tiết cho các lớp theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện các nội dung và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 2207/QĐ-BNN-TC ngày 23/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành mức

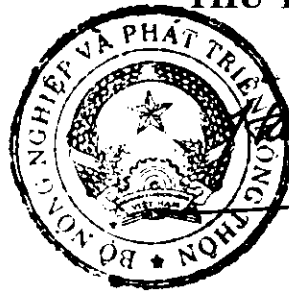
chi tạm thời áp dụng cho các lớp tập huấn thuộc Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Hoàng Văn Thắng

MỨC CHI ÁP DỤNG MỞ CÁC LỚP ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC QUY HOẠCH, BỐ TRÍ DÂN CƯ

(Kèm theo Quyết định số 711/QĐ-BNN-TC ngày 03 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Định mức đã được duyệt		Định mức đề nghị điều chỉnh		GHI CHÚ (Yêu cầu chứng từ và văn bản vận dụng)
			Do địa phương tổ chức	Do Cục và các Đơn vị thuộc Bộ tổ chức	Do địa phương tổ chức	Do Cục và các Đơn vị thuộc Bộ tổ chức	
1	Các nội dung chi trực tiếp cho việc mở lớp						
1	Chi thù lao giảng viên	buổi (5 tiết/buổi)	300.000	500.000	300.000	500.000	Lịch giảng dạy
2	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên và BTC lớp	đêm/người	200.000	250.000	200.000	250.000	Hóa đơn tài chính
3	Phụ cấp lưu trú giảng viên và BTC	ngày/người	100.000	150.000	100.000	150.000	Giấy đi đường có xác nhận của cơ quan nơi mở lớp (hoặc của khách sạn, nhà khách)
4	Tiền ăn cho học viên	ngày/học viên	50.000	50.000	50.000	50.000	Danh sách ký nhận của học viên có xác nhận của nơi mở lớp
5	Tiền ăn cho học viên (không hưởng lương)	ngày/học viên			100.000	100.000	Danh sách ký nhận của học viên có xác nhận của nơi mở lớp
6	Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên không hưởng lương (khoán)	người/ngày	100.000	100.000	200.000	200.000	Yêu cầu: có xác nhận của địa phương về danh sách học viên không hưởng lương (ghi rõ địa chỉ, số điện thoại - nếu có - để liên hệ, kiểm tra khi cần thiết). Nếu tiền thuê phòng ngủ vượt mức khoán thì được thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng mức chi không vượt quá quy định tại Quyết định số 3565/QĐ-BNN-TC ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT.
7	Tiền đi lại cho học viên không hưởng lương	ngày/người					Theo giá vé giao thông công cộng, nếu khoán tối đa không quá 200.000 đồng/học viên/khoá
8	Nước uống	ngày/người	15.000	15.000	15.000	15.000	
9	Vấn phòng phẩm (bút, số...)	học viên	25.000	25.000	25.000	25.000	Hóa đơn tài chính

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Định mức đã được duyệt		Định mức đề nghị điều chỉnh		GHI CHÚ (Yêu cầu chứng từ và văn bản vận dụng)
			Do địa phương tổ chức	Do Cục và các Đơn vị thuộc Bộ tổ chức	Do địa phương tổ chức	Do Cục và các Đơn vị thuộc Bộ tổ chức	
10	Phô tô tài liệu cho học viên	trang	200	200	300	300	Theo số trang tài liệu thực tế (không bao gồm tài liệu tham khảo)
11	Thuê hội trường và thiết bị học tập	tính theo ngày					Yêu cầu: phải có hợp đồng, hóa đơn theo quy định; trong trường hợp mượn cơ sở vật chất của các cơ quan, đơn vị khác tổ chức đào tạo tạo bồi dưỡng nhưng vẫn phải thanh toán các khoản chi phí điện, nước, vệ sinh, an ninh, phục vụ; chứng từ thanh toán là bản hợp đồng và thanh lý hợp đồng công việc giữa hai bên kèm theo phiếu thu của cơ quan, đơn vị cho mượn cơ sở vật chất.
12	Thuê xe ô tô đi tham quan thực tế	tính theo km					Yêu cầu: có hợp đồng, hóa đơn theo quy định.
13	Chi ra đề thi	đề	100.000	100.000	100.000	100.000	Vận dụng mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi tại Thông tư liên tịch số 49/2007/TTLT/BTC-BGDDT ngày 18/5/2007 của liên Bộ Tài chính-Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham gia các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực. Thông tư số 132/2009/TTLT/BTC-BGDDT ngày 29/06/2009 của liên Bộ Tài chính- Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 49/2007/TTLT/BTC-BGDDT
14	Chi coi thi và chấm thi	người/ngày	100.000	100.000	100.000	100.000	
15	Tiền thuốc y tế thông thường	học viên	10.000	10.000	10.000	10.000	Khi thanh toán phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn theo quy định

82

3

TT	NỘI DUNG	Định mức đã được duyệt		Định mức đề nghị điều chỉnh		GHI CHÚ (yêu cầu chứng từ và văn bản vận dụng)
		Do địa phương tổ chức	Do Cục và các Đơn vị thuộc Bộ tổ chức	Do địa phương tổ chức	Do Cục và các Đơn vị thuộc Bộ tổ chức	
16	Chi khai, bé giảng lớp học hoá ma kết	500.000	500.000	500.000	500.000	Giấy biên nhận
17	Khen thưởng cho học viên giỏi xuất sắc	200.000	200.000	200.000	200.000	Tối đa 5 học viên/khóa
II	Chi phí quản lý: tối đa 10% mục I: bao gồm: chi phí điện, nước, thông tin liên lạc, xăng xe của ban tổ chức lớp đi tổ chức, kiểm tra, giám sát lớp học, làm đêm, thêm giờ theo chế độ nhà nước, các chi phí gián tiếp liên quan khác đến việc mở lớp					